KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – NGUYỄN THỊ KIM OANH – TRẦN KIM PHƯỢNG

Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 3

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – NGUYỄN THỊ KIM OANH – TRẦN KIM PHƯỢNG

Vở bài tập TIẾNG VIỆT 3

TẬP MỘT

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ	4
1	1	Ngày gặp lại	4
	2	Về thăm quê	6
2	3	Cánh rừng trong nắng	8
	4	Lần đầu ra biển	10
3	5	Nhật kí tập bơi	12
	6	Tập nấu ăn	14
4	7	Mùa hè lấp lánh	16
	8	Tạm biệt mùa hè	18
		CỔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ	20
5	9	Đi học vui sao	20
	10	Con đường đến trường	22
6	11	Lời giải toán đặc biệt	24
	12	Bài tập làm văn	26
7	13	Bàn tay cô giáo	28
	14	Cuộc họp của chữ viết	30
8	15	Thư viện	32
	16	Ngày em vào Đội	34
9		**Ôn tập giữa học kì 1**	36
		MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG	40
10	17	Ngưỡng cửa	40
	18	Món quà đặc biệt	42
11	19	Khi cả nhà bé tí	44
	20	Trò chuyện cùng mẹ	46

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

12	21	Tia nắng bé nhỏ	48
	22	Để cháu nắm tay ông	50
13	23	Tôi yêu em tôi	52
	24	Bạn nhỏ trong nhà	54
CỘNG ĐỒNG GẦN BÓ			56
14	25	Những bậc đá chạm mây	56
	26	Đi tìm mặt trời	58
15	27	Những chiếc áo ấm	60
	28	Con đường của bé	62
16	29	Ngôi nhà trong cỏ	64
	30	Những ngọn hải đăng	66
17	31	Người làm đồ chơi	68
	32	Cây bút thần	70
18		**Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 1**	72

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Quy ước viết tắt dùng trong sách

M: Mẫu

G: Gợi ý

SHS Sách học sinh

Tuần 1 Bài 1

NGÀY GẶP LẠI

1 Viết 2 – 3 câu về điều em nhớ nhất trong kì nghỉ hè vừa qua.

G:

– Em đã làm những gì trong kì nghỉ hè vừa qua?

– Điều gì làm em nhớ nhất?

– Vì sao điều đó lại đáng nhớ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 Viết tên sự vật bắt đầu bằng *c* hoặc *k* trong các hình dưới đây:

(1) ..... (2) ..... (3) ..... (4) .....

(5) ..... (6) ..... (7) ..... (8) .....

3 Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.

	c	k
Từ ngữ chỉ sự vật	....	....
Từ ngữ chỉ hoạt động	....	....

4 Điền *c* hoặc *k* vào chỗ trống.

Triển đồi như .....ánh võng
Bé nằm ngắm mây trời
Ơ .....ìa mây như thể
Vườn thú trên bầu trời.

Mây này hình .....on vịt
Tắm giữa dòng ngân hà
.....ia là .....á heo đấy
Trên biển xanh bao la.

(*Theo* Phạm Anh Xuân)

5 Viết vào bảng dưới đây những địa điểm em muốn đi và những hoạt động em muốn làm trong mùa hè năm tới.

Địa điểm	Hoạt động
M: bãi biển	nhặt vỏ sò, xây lâu đài cát, ...
.....	.....
.....	.....
.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2

VỀ THĂM QUÊ

1 Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động.

Từ ngữ chỉ sự vật		Từ ngữ chỉ hoạt động
Chỉ người	Chỉ con vật	
bác nông dân		gặt lúa
	con trâu	gặm cỏ
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài tập 1, đặt 1 – 2 câu theo yêu cầu.

Câu giới thiệu	**M:** Các cô bác nông dân là những người làm ra lúa gạo. ....

Câu nêu hoạt động	**M:** Các cô bác nông dân đang gặt lúa. ....

3 Nối từ ngữ ở cột trái với từ ngữ ở cột phải để tạo câu.

Chim chóc	bay đi tìm hoa.
Bầy ong	đua nhau hót trong vòm cây.
Đàn cá	bơi dưới hồ nước.

4 Ghép các từ ngữ dưới đây theo các cách khác nhau để tạo 2 – 3 câu.

với | thỏ nâu | thỏ trắng | chạy thi

.....

.....

.....

5 Đọc văn bản *Đi tàu Thống Nhất* hoặc tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... viết về những hoạt động yêu thích của trẻ em và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH
– Ngày đọc: ..... – Tên bài: ..... – Tác giả: .....
Hoạt động được nói đến trong bài đọc: ....
Chi tiết em thích nhất trong bài: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆

Tuần 2 Bài 3 CÁNH RỪNG TRONG NẮNG

1 Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự câu chuyện *Sự tích loài hoa của mùa hạ*.

① Cây xương rồng ao ước mình cũng có hoa để không bị chê là loài cây chỉ có gai.

○ Bà tiên cây thấy được việc làm tốt của xương rồng, liền hoá phép cho thân hình đầy gai nhọn của xương rồng mọc ra những bông hoa đẹp tuyệt vời.

○ Xương rồng đã truyền nước từ thân mình cho các cây hoa đủ sức chống chọi với nắng hạn.

○ Mùa hè đến, các cây hoa khô héo vì nắng nóng kéo dài, chỉ có xương rồng vẫn tươi tỉnh.

2 Nhìn tranh, tìm và viết tên các sự vật có tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh*.

g	M: báo gấm, ...
gh	.....

3 Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh*.

g	M: gom góp, ...
gh	M: ghé thăm, ...

4 Điền *g* hoặc *gh* vào chỗ trống.

Nghỉ hè, chị em tôi được về quê nội. Quê nội tôi là vùng đồi trung du .....ập .....ềnh sỏi đá, con đường làng .....ồ .....ề phủ rơm vàng óng suốt cả mùa .....ặt. Quê tôi có những vườn ổi chín thơm lừng, chim chóc ríu rít .....ọi nhau về ăn trái.

(*Theo* Nhật Lệ)

5 Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về cây xương rồng trong truyện *Sự tích loài hoa của mùa hạ*.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4 LẦN ĐẦU RA BIỂN

1 Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về những hoạt động yêu thích của trẻ em (xem phim, xem xiếc, tham quan, dã ngoại,...) và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Tên bài:	
– Tác giả:	
Hoạt động được nói đến trong bài đọc:	Chi tiết em thích nhất trong bài: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2 Xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp.

a. Ở bờ ao nhà tôi có một bụi kim ngân. Cứ vào dịp tháng Năm, từ các kẽ lá nảy ra từng chùm hoa hai bông, một bông màu **vàng**, một bông màu **trắng**, **nhỏ xíu**, **thơm ngát**.

(*Theo* Trần Hoài Dương)

b. Nai con có bộ lông màu **nâu nhạt**, mịn màng, bốn cẳng **cao nghều** như là đi trên những đôi cà kheo. Cái đầu **dài** và **nhỏ**, hai tai vểnh lên.

(Nguyệt Ánh)

– Từ ngữ chỉ màu sắc: .....

– Từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước: .....

– Từ ngữ chỉ hương vị: .....

3 Đặt câu với 2 – 3 từ ngữ tìm được ở bài tập 2.

M: Hoa mướp màu vàng rực rỡ.

.....

.....

.....

4 Tìm thêm từ ngữ chỉ đặc điểm viết vào bảng sau:

Từ ngữ chỉ màu sắc	Từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước	Từ ngữ chỉ hương vị
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

5 Chọn từ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(bé, xinh xắn, vàng óng)

Cô chổi rơm

Trong họ hàng nhà chổi thì cô bé chổi rơm vào loại ..... nhất. Cô có chiếc váy ....., không ai đẹp bằng. Áo của cô cũng bằng rơm thóc nếp vàng tươi, được tết săn lại, cuốn từng vòng quanh người, trông cứ như là áo len vậy.

Tuy ..... nhưng chổi rơm rất được việc. Ngày hai lần, chị Thuỳ Linh mang chổi ra quét nhà. Chỉ quét nhà thôi, còn sân, vườn đã có chổi khác cứng hơn.

(*Theo* Vũ Duy Thông)

6 Viết 1 – 2 câu về cái cặp sách của em trong đó có sử dụng từ ngữ chỉ đặc điểm.

.....

.....

Tuần 3 Bài 5

NHẬT KÍ TẬP BƠI

1 Viết 2 – 3 câu kể về một buổi tập luyện của em (VD: tập hát, tập thể dục, tập vẽ,...).

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Điền *ng* hoặc *ngh* vào chỗ trống.

Vui sao đàn .....é con
Miệng chúng cười mủm mỉm
Mắt chúng .....ơ .....ác tròn
Nhìn tay .....ười giơ đếm.

(*Theo* Huy Cận)

3 Tìm và viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *ng* hoặc *ngh* chỉ hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.

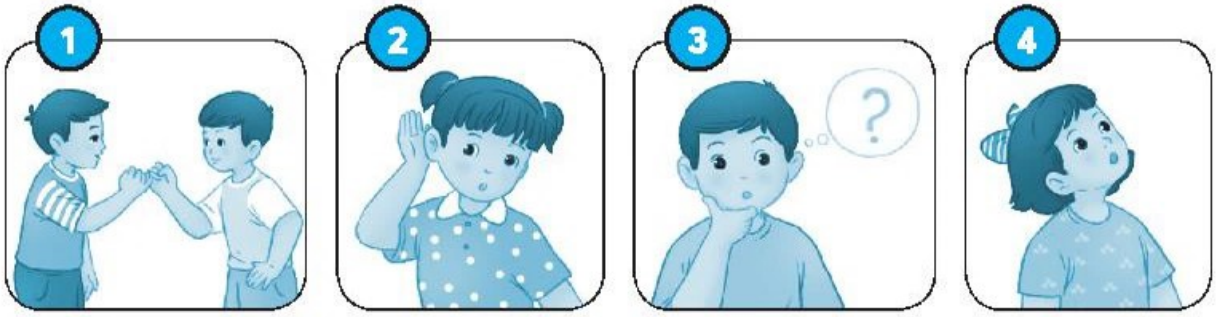

....

4 Tìm 2 – 3 từ ngữ chỉ sự vật có tiếng bắt đầu bằng *ng* hoặc *ngh*.

ng

.....

.....

ngh

.....

.....

5 Viết tiếp các câu dưới đây để ghi lại những việc em đã làm trong ngày hôm nay.

Ngày .....

Hôm nay, mình đã .....

.....

.....

Mình cảm thấy hôm nay rất .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 6 TẬP NẤU ĂN

1 Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động kết hợp được với mỗi từ chỉ sự vật theo mẫu.

rau	**M:** rửa rau, nhặt rau, ...
thịt	**M:** kho thịt, ...
cá	.....

2 Xếp các từ chỉ hoạt động dưới đây vào 2 nhóm.

kho | xào | vào | lên | hầm | đi | ra | nướng | luộc | xuống

Từ chỉ hoạt động di chuyển	Từ chỉ hoạt động nấu ăn
M: đi, ...	**M:** kho, ...
.....	.....
.....	.....

3 Chọn từ ở bài tập 2 điền vào chỗ trống.

Ngày Chủ nhật, mẹ ..... chợ mua thức ăn. Nam ..... bếp giúp mẹ. Nam nhặt rau, còn mẹ rửa cá và thái thịt. Sau đó, mẹ bắt đầu nấu nướng, mẹ ..... cá, ... rau, ... thịt. Chẳng mấy chốc, gian bếp đã thơm lừng mùi thức ăn.

(*Theo* Kim Ngân)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Chọn lần lượt trong mỗi hàng 1 từ, ghép các từ để tạo thành câu.

ông bà	Thuỷ	mẹ em	Cô Lương
mua	nấu	đi	rán
thịt	cơm	xúc xích	siêu thị

Câu 1 .....

.....

Câu 2 .....

.....

Câu 3 .....

.....

5 Đọc bài thơ *Vào bếp thật vui* hoặc tìm đọc sách dạy nấu ăn hoặc những bài đọc liên quan đến công việc làm bếp và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH
– Ngày đọc: ..... – Tên bài: ..... – Tác giả: .....
Những đồ vật được nhắc tới trong bài đọc: ....
Câu thơ/ câu văn em thích nhất: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 4 Bài 7

MÙA HÈ LẤP LÁNH

1. Em thấy chú chó đốm con trong câu chuyện *Chó đốm con và mặt trời* là nhân vật như thế nào?

a. Ngốc nghếch

b. Ham học hỏi, thích khám phá

c. Ý kiến khác của em: .....

.....

2. Nối các tiếng phù hợp với *chung* hoặc *trung* để tạo từ.

thành

cư

thuỷ

tâm

bình

thực

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

Chị mây vừa kéo đến
....ăng sao ....ốn cả rồi
Đất nóng lòng ....ờ đợi
Xuống đi nào, mưa ơi!

Chớp bỗng loè ....ói mắt

Soi sáng khắp ruộng vườn

Ơ! Ông ....ời bật lửa

Xem lúa vừa ....ổ bông.

(*Theo* Đỗ Xuân Thanh)

b. Điền *u* hoặc *d* vào chỗ trống.

Con tàu ....ào ga, vừa chạy ....ừa "tu tu" một hồi ....ài. Sân ga bỗng chốc nhộn nhịp ....à náo nhiệt hẳn lên. Phía cửa ga, nhiều cánh tay giơ lên ....ẫy gọi người thân.

(*Theo* Trung Nguyên)

4 Điền *u* hoặc *d*, *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

(1) .....ạn sự khởi đầu nan.

(2) Lửa thử .....àng, gian nan thử sức.

(3) Tức nước .....ỡ bờ.

(4) .....ớ thấy sóng cả mà rã tay .....èo.

(5) Ở bầu thì .....òn, ở ống thì .....ài.

(6) .....ánh .....ỏ dưa, gặp vỏ .....ừa.

5 Viết 2 – 3 câu về hiện tượng mặt trời mọc và lặn theo hiểu biết của em.

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8 TẠM BIỆT MÙA HÈ

1 Đọc sách dạy nấu ăn hoặc những bài đọc về công việc làm bếp và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Tên bài:	
– Tác giả:	
Món ăn hoặc hoạt động làm bếp được nói đến:	Thông tin quan trọng hoặc thú vị đối với em: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2 Tìm các từ ngữ nói về mùa hè viết vào bảng dưới đây:

Thời tiết	Đồ ăn thức uống	Đồ dùng	Trang phục	Hoạt động
nóng nực	kem	quạt	áo phông	bơi
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....

3 Đặt 3 câu với từ ngữ em tìm được ở bài tập 2.

M: Mùa hè, thời tiết rất nóng nực.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 *Dấu hai chấm* trong câu dưới đây dùng để làm gì?

Các bạn chắc chắn sẽ kể về những chuyến du lịch kì thú của mình: ra biển, lên núi, đến thăm những thành phố lớn,...

a. Để báo hiệu lời nói trực tiếp

b. Để báo hiệu phần liệt kê

c. Để báo hiệu phần giải thích

5 Điền *dấu chấm* hoặc *dấu hai chấm* vào mỗi ô vuông.

a. Mùa hè có rất nhiều loài hoa ☐ hoa hồng, hoa phượng, hoa mười giờ,... Hoa nào cũng đẹp, cũng rực rỡ sắc màu ☐

b. Có nhiều hoạt động thú vị mà bạn có thể làm khi hè đến ☐ đi cắm trại, đi tắm biển, tham gia các câu lạc bộ,...

6 Thêm *dấu hai chấm* vào chỗ thích hợp trong những câu sau đây:

a. Bao trùm lên cả bức tranh là một màu xanh thẳm có nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau màu xanh da trời, màu xanh của nước biếc, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ,...

(*Theo* Cửu Thọ)

b. Chợ quê bày bán nhiều thứ thịt cá, rau củ, đồ gia dụng, quần áo,...

c. Vào rừng, tôi nghe thấy rất nhiều âm thanh tiếng suối chảy róc rách, tiếng chim hót líu lo, tiếng lá rừng xào xạc,...

7 Thêm những từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (ở sau dấu phẩy) để hoàn thiện câu có *dấu hai chấm* báo hiệu phần liệt kê.

a. Trong cặp sách của em có nhiều đồ dùng học tập: sách vở, ...

b. Ở trường, chúng em thường chơi các trò chơi: đá bóng, ...

c. Em thích ăn những món mẹ nấu: canh dưa cá, ...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 5 Bài 9

ĐI HỌC VUI SAO

1 Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em sau một tháng học tập.

G:

– Em đã quen với hoạt động học tập hằng ngày chưa?

– Nội dung học tập ở lớp 3 thuận lợi hay khó khăn đối với em?

– Em mong muốn điều gì trong thời gian học tập tới?

.....

.....

.....

2 Quan sát tranh, tìm và viết từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu a hoặc b.

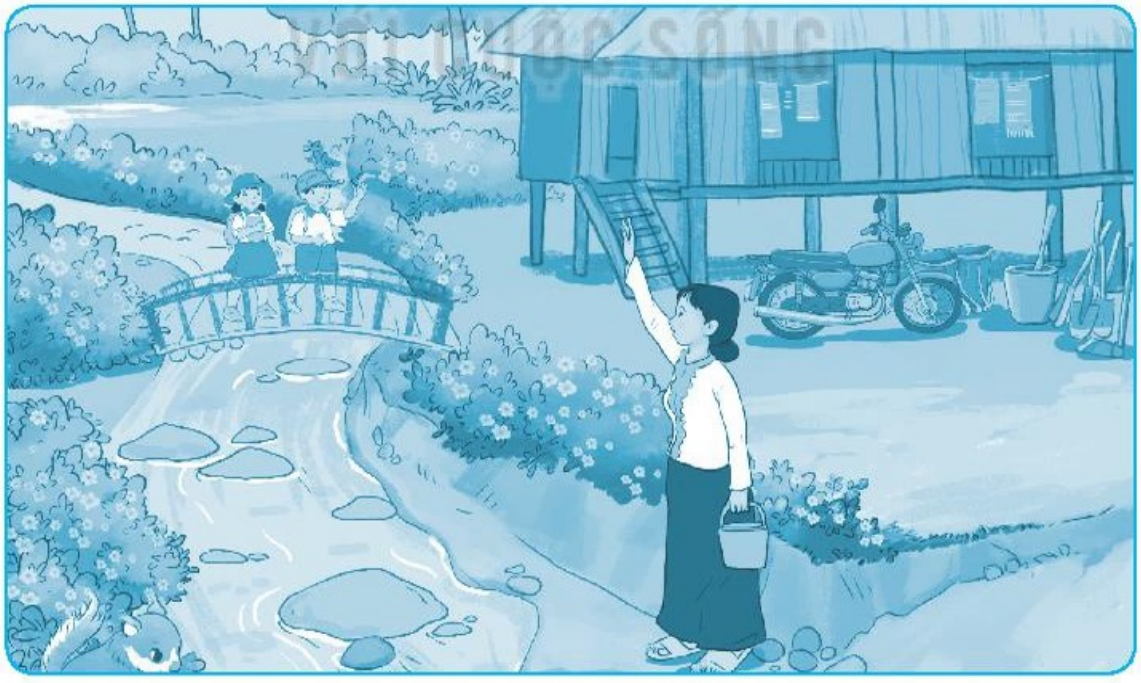

a. Từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng s hoặc x	**M:** dòng suối, ...
b. Từ ngữ chứa tiếng có *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã*	**M:** cối giã gạo, ...

3 Tìm thêm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *s*, *x* (hoặc chứa tiếng có *dấu hỏi*, *dấu ngã*).

.....

.....

.....

4 Điền *s* hoặc *x* vào chỗ trống, viết trên chữ in đậm *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã*.

Bầy còng tập viết

.....uốt ngày còng lấy càng
Viết chữ trên mặt cát
Buổi tối còng về hang
Nước triều lên .....oá hết.

Còng lại nghĩ ***biên*** chê
Chư mình còn chưa đẹp
Nên ngày nào ***cung*** viết
Trên cát ướt ***phăng*** lì.

(*Theo* Vũ Duy Thông)

5 Viết 2 – 3 câu về điều em nhớ nhất trong buổi học hôm nay.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 10 CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG

1 Tìm trong bài đọc *Con đường đến trường* những từ ngữ chỉ đặc điểm của con đường.

.....

.....

2 Tìm thêm những từ ngữ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm dưới đây:

	Từ ngữ chỉ đặc điểm
Màu sắc	**M:** xanh ngắt, trắng muốt, ...
Âm thanh	**M:** rì rào, tí tách, ...
Hương vị	**M:** ngọt, thơm, ...

3 Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 2.

.....

.....

.....

.....

4 Khi miêu tả vẻ đẹp của một bông hoa, có thể dùng những từ ngữ chỉ đặc điểm nào?

– Hình dáng: nho nhỏ, ...

– Màu sắc: .....

– Mùi hương: .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Chọn từ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(*xanh um, nhộn nhịp, đỏ rực, râm ran, sớm*)

Buổi sáng, Nam đạp xe tới trường trên con đường quen thuộc. Hè đã sang, mấy cành phượng vĩ nở hoa ..... Tiếng ve kêu ..... giữa những tán lá sấu ..... Gần đến trường, khung cảnh ..... hẳn lên. Mấy em bé lớp 1 chia tay mẹ vào lớp, vừa đi vừa ngoái lại: "Mẹ ơi, chiều mẹ đón con ..... nhé!".

(*Theo* Kim Ngân)

6 Đọc văn bản *Ngôi trường mới* hoặc tìm đọc những câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nhà trường và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Tên bài:	
– Tác giả:	
Chi tiết/ câu văn/ câu thơ/... em thích:	Cách em làm để tìm được văn bản: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 6 Bài 11

LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT

1 Sắp xếp các nội dung sau theo trình tự câu chuyện *Đội viên tương lai*.

- Cô giáo nhận xét Linh viết tờ đơn mới đẹp hơn tờ đơn cũ.
- Bé Bi làm bẩn tờ đơn của Linh.
- ① Linh đã viết một tờ đơn xin vào Đội rất đẹp và cất ngay ngắn vào cặp.
- Cô giáo dặn dò Linh gương mẫu hơn vì Linh sắp trở thành đội viên.
- Linh viết lại tờ đơn khác và bị muộn học.

2 Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng dưới đây:

giao giao hàng, ...

dao .....

rao .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Làm bài tập a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm có tiếng bắt đầu bằng *r*, *d* hoặc *gi*.

....

....

....

b. Giải câu đố, biết rằng đáp án của mỗi câu đố đều có tiếng chứa *an* hoặc *ang*.

4 Tìm hiểu thông tin về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và thực hiện yêu cầu.

a. Chọn các thông tin đúng về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

– Ngày thành lập: ☐ 15/05/1941 ☐ 26/03/1931

– Đồng phục: ☐ Khăn quàng đỏ ☐ Áo màu xanh dương

b. Viết 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng.

(1) .....

(2) .....

(3) .....

(4) .....

(5) .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 12 BÀI TẬP LÀM VĂN

1 Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nhà trường và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Tên bài:	
– Tác giả:	
Cách em tìm được bài đọc:	Chi tiết, câu văn, câu thơ em thích nhất: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2 Điền tiếp các từ ngữ về nhà trường theo từng nhóm sau:

Người	thầy giáo, ...
Địa điểm	cổng trường, ...
Đồ vật	bàn, ...
Hoạt động	viết, ...

3 Khoanh vào chữ cái trước câu hỏi. Giải thích vì sao em biết đó là câu hỏi.

a. Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ?

b. Em đã nhiều lần giúp đỡ mẹ.

c. Hôm nay con giặt áo sơ mi và quần áo lót đi nhé!

Câu ..... là câu hỏi vì .....

.....

4 Đọc lại câu chuyện *Hộp bút của Na* và đặt 2 câu hỏi về các nhân vật trong câu chuyện.

Câu hỏi 1:

.....

.....

Câu hỏi 2:

.....

.....

5 Điền *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* vào ô trống.

Hỏi đáp

– Cậu muốn hỏi gì thì cứ hỏi tớ ☐ Cái gì tớ cũng biết ☐

– Cậu có biết về mặt trăng không ☐

– Có chứ ☐

– Khoảng cách từ trái đất đến mặt trăng là bao nhiêu ☐

– À... Bằng từ mặt trăng đến trái đất ☐

– Thế ai là người đầu tiên lên mặt trăng ☐

– Chú Cuội ☐

– ...

(*Theo* Thanh Thuỷ)

6 Viết 2 – 3 câu nêu những điều em phấn đấu để trở thành đội viên.

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 7 Bài 13

BÀN TAY CÔ GIÁO

1 Viết 2 – 3 câu kể về một giờ học em thấy thú vị.

G:

– Đó là giờ học môn nào?

– Trong giờ học, em được tham gia vào những hoạt động nào?

– Em cảm nhận thế nào về giờ học đó?

.....

.....

.....

.....

.....

2 Làm bài tập a hoặc b.

a. Điền *l* hoặc *n* vào chỗ trống.

Tớ là chiếc xe lu

Người tớ to ....ù ....ù.

Con đường ....ào mới đắp

Tớ san bằng tăm tắp.

Con đường ....ào rải nhựa

Tớ là phẳng như lụa.

Trời ....óng như ....ửa thiêu

Tớ vẫn ....ăn đều đều.

Trời ....ạnh như ướp đá

Tớ càng ....ăn vội vã.

(*Theo* Trần Nguyên Đào)

b. Điền tiếng chứa *ăn* hoặc *ăng* vào chỗ trống.

Đêm đã về khuya, cảnh vật ..... vẻ, yên tĩnh. Mặt ..... đã lên cao, tròn vành vạnh. Ánh ..... sáng ..... vặc, chiếu xuống mặt hồ. Những gợn sóng lăn ..... phản chiếu ánh sáng lóng lánh như ánh bạc.

(*Theo* Bảo Khuê)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng cho trước.

lao	M: lao xao, ...	*lặng*	....
nao	M: nao núng, ...	*nặng*	....
lan	....	*lắng*	....
nan	....	*nắng*	....

4 Điền vào phiếu dưới đây các thông tin về một giờ học em mong muốn.

– Môn học: .....

– Thầy/ cô giáo: .....

– Địa điểm học: .....

– Các hoạt động em mong muốn: .....

.....

Bài 14 CUỘC HỌP CỦA CHỮ VIẾT

1 Xếp các câu kể trong đoạn dưới đây vào nhóm thích hợp.

(1) Tớ là bút nâu. (2) Tớ cao nhất hộp bút vì hiếm khi được gọt. (3) Đây là bút đỏ, bạn của tớ. (4) Bút đỏ thì thấp một mẩu vì được gọt quá nhiều. (5) Tớ dùng keo gắn bút đỏ vào bên cạnh tớ để bạn nhìn được ra ngoài hộp bút.

(*Theo* Nguyễn Trà)

Câu giới thiệu	Câu nêu đặc điểm	Câu nêu hoạt động
.....	.....	.....

2 Đánh dấu ✓ vào ô trống trước những thông tin đúng về câu kể.

- ○ dùng để kể, tả, giới thiệu
- ○ kết thúc bằng dấu chấm than
- ○ kết thúc bằng dấu chấm
- ○ dùng để hỏi

3 Xếp các câu dưới đây vào nhóm thích hợp và giải thích lí do xếp như vậy.

a. Bút nâu trông như thế nào?

b. Bút nâu là một người bạn tốt.

c. Bút nâu nhảy với bút vàng, lắng nghe ước mơ của bút tím.

d. Bút nâu gắn bút đỏ vào bên cạnh mình để làm gì?

Câu kể	Câu hỏi	Lí do
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Điền *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* vào ô trống.

Minh là thành viên mới của lớp 3A☐ Minh vừa chuyển từ trường khác đến☐ Bạn ấy vui vẻ giới thiệu:

– Tớ tên là Tuệ Minh☐ Tớ thích chơi cờ vua và múa ba lê☐

Các bạn xôn xao:

– Tên của cậu đẹp quá☐

– Tớ cũng thích chơi cờ vua lắm☐

– Cậu có muốn tham gia câu lạc bộ cờ vua cùng chúng tớ không☐

(*Theo* Việt Phương)

5 Đặt câu kể với từ ngữ cho trước.

a. giá sách

.....

b. chữa bài tập

.....

c. nhanh nhẹn

.....

6 Viết lời giải cho các câu đố dưới đây:

a. Ngăn nhỏ rồi lại ngăn to
Đựng vở, đựng bút, đựng kho sách đầy.

(*Là cái* .....)

b. Đầu đuôi vuông vắn như nhau
Thân chia nhiều đốt rất mau, rất đều
Tính tình chân thật đáng yêu
Muốn biết dài, ngắn, mọi điều có em.

(*Là cái* .....)

c. Hè về áo đỏ như son
Hè đi thay lá xanh non mượt mà
Bao nhiêu tay rộng toả ra
Như vẫy, như đón bạn ta đến trường.

(*Là cây* .....)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

THƯ VIỆN

1 Điền từ ngữ vào chỗ trống để hoàn thiện bài thơ trong câu chuyện *Mặt trời mọc ở đằng... tây!*.

Mặt trời .....

Thiên hạ ngạc nhiên .....

Ngơ ngác nhìn nhau .....

Thức dậy .....

2 Ghép các tiếng phù hợp với *chân* hoặc *trân* để tạo từ.

chân	M: chân thành, ...
trân	....

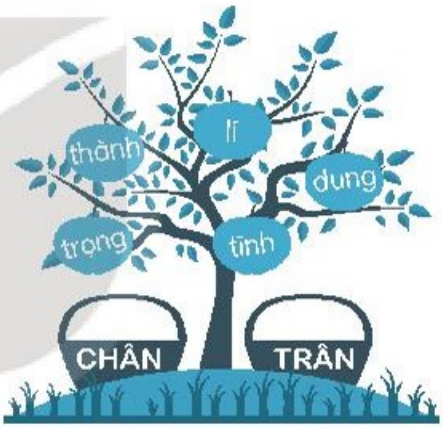

3 Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

Bố mẹ đi làm
Ta đi học nhé
Áo quần sạch sẽ
Bầu .....ời trong xanh.

Giữ gìn bàn .....ân
Đừng quên đôi dép.
Giữ gương mặt đẹp
Nhớ đừng giận nhau.

Con đường thì dài
Đôi .....ân thì ngắn
Thời giờ nghiêm lắm
.....ẳng thích rong .....ơi.

Nhưng mà bạn ơi
Xin đừng .....ạy vội
Có đoàn có đội
Tới .....ường cùng nhau.

(*Theo* Nguyễn Trọng Tạo)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Nối các tiếng phù hợp với *dân* hoặc *dâng* để tạo từ. Viết lại các từ vừa tạo được.

.....

.....

5 Điền *dân* hoặc *dâng* vào chỗ trống để hoàn thiện câu.

a. Nông ..... là những người làm ra lúa gạo.

b. Biển ..... cho đời những hạt muối, những con cá, con tôm,...

c. ..... tộc Việt Nam rất yêu hoà bình.

d. Nhìn mẹ thức khuya, dậy sớm, lòng em lại trào ..... niềm yêu thương vô bờ.

6 Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống để hoàn thiện các bài ca dao.

a. .....ời cao, biển rộng, đất dày
Ơn .....a, nghĩa mẹ, công thầy .....ớ quên.

b. Công .....a như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước .....ong nguồn .....ảy ra.

c. .....ên .....ời mây .....ắng như bông
Ở dưới cánh đồng bông .....ắng như mây.

7 Em hãy thử làm một số câu thơ về mặt trời.

.....

.....

.....

.....

Bài 16 NGÀY EM VÀO ĐỘI

1 Đọc các câu đố về đồ dùng học tập hoặc những đồ vật khác ở trường và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Số câu đố đã đọc:	
– Các đồ vật được nói đến:	
.....	
Câu đố em thấy dễ đoán nhất:	Câu đố em thấy khó đoán nhất:
.....	.....
.....	.....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2 Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

tìm sách | thẻ thư viện | phiếu mượn sách | sách | mượn | giá sách | người mượn | người đọc | báo | thủ thư | đọc | trả

Người	Đồ vật	Hoạt động
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Câu nói của mỗi bạn ở tranh A và tranh B có gì khác nhau?

	Các câu ở tranh A	Các câu ở tranh B
Từ ngữ	.....	.....
Dấu câu	.....	.....
Kiểu câu	.....	.....

4 Từ in đậm trong các câu nói ở bài tập 3 bổ sung điều gì cho câu?

a. Cảm xúc của người nói

b. Mong muốn của người nói

c. Nội dung kể, tả, giới thiệu

5 Chuyển các câu dưới đây thành câu cảm (theo mẫu).

M: Quyển từ điển này hữu ích. → Quyển từ điển này hữu ích quá!

a. Bạn ấy đọc nhiều sách. → .....

b. Thư viện trường mình rộng. → .....

c. Thư viện đóng cửa muộn. → .....

6 Viết câu cảm phù hợp với mỗi tình huống sau:

a. Nêu cảm xúc với thời tiết ngày hôm nay.

.....

b. Nêu cảm xúc sau khi nghe bạn đọc diễn cảm một bài thơ.

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 9

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

TIẾT 1 – 2

1 Xếp các từ ngữ được gạch chân vào nhóm thích hợp.

a. Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ
Xem cầu Thê Húc xem chùa Ngọc Sơn,
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?

(*Ca dao*)

b. Ai về Hà Tĩnh thì về
Mặc lụa chợ Hạ, uống chè Hương Sơn
Ai về Tuy Phước ăn nem
Ghé qua Hưng Thịnh mà xem Tháp Chàm.

(*Ca dao*)

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động
.....	.....
.....	.....
.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Tìm và viết các từ ngữ vào nhóm thích hợp.

Từ ngữ chỉ sự vật ở trường	Từ ngữ chỉ hoạt động diễn ra ở trường	Từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động ở trường
M: học sinh, ...	**M:** thảo luận, ...	**M:** sôi nổi, ...
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

3 Đặt câu với 2 – 3 từ ngữ em tìm được ở bài tập 2.

.....

.....

.....

.....

4 Điền dấu câu phù hợp vào ô trống.

Sửa chuông gọi cửa

Một thanh niên gọi cho thợ điện phàn nàn:

– Sáng hôm qua, tôi đã gọi anh đến sửa chuông nhà tôi. Sao giờ vẫn chưa thấy đến ☐ Các anh thật chậm quá ☐

Người thợ điện phân trần:

– Hôm qua, tôi có tới nhà anh, bấm chuông nhưng không thấy ai mở cửa ☐ Tôi đoán là mọi người đi vắng hết rồi nên tôi đi về ☐

(Trung Nguyên *sưu tầm*)

TIẾT 3 – 4

1 Nối thông tin ở cột trái với thông tin ở cột phải để tìm điểm đến của các bạn nhỏ trong các bài đọc.

(1) Bạn Sơn trong bài *Ngày gặp lại*	(a) Thăm rừng Trường Sơn
(2) Bạn nhỏ trong bài *Cánh rừng trong nắng*	(b) Ra biển Quy Nhơn
(3) Bạn nhỏ trong bài *Tập nấu ăn*	(c) Về quê với ông bà
(4) Bạn nhỏ trong bài *Nhật kí tập bơi*	(d) Vào bếp cùng mẹ
(5) Bạn Thắng trong bài *Lần đầu ra biển*	(e) Ra vườn hái quả và đi chợ cùng mẹ
(6) Bạn Diệu trong bài *Tạm biệt mùa hè*	(g) Đến bể bơi học bơi

2 Giải ô chữ

a. Tìm ô chữ hàng ngang.

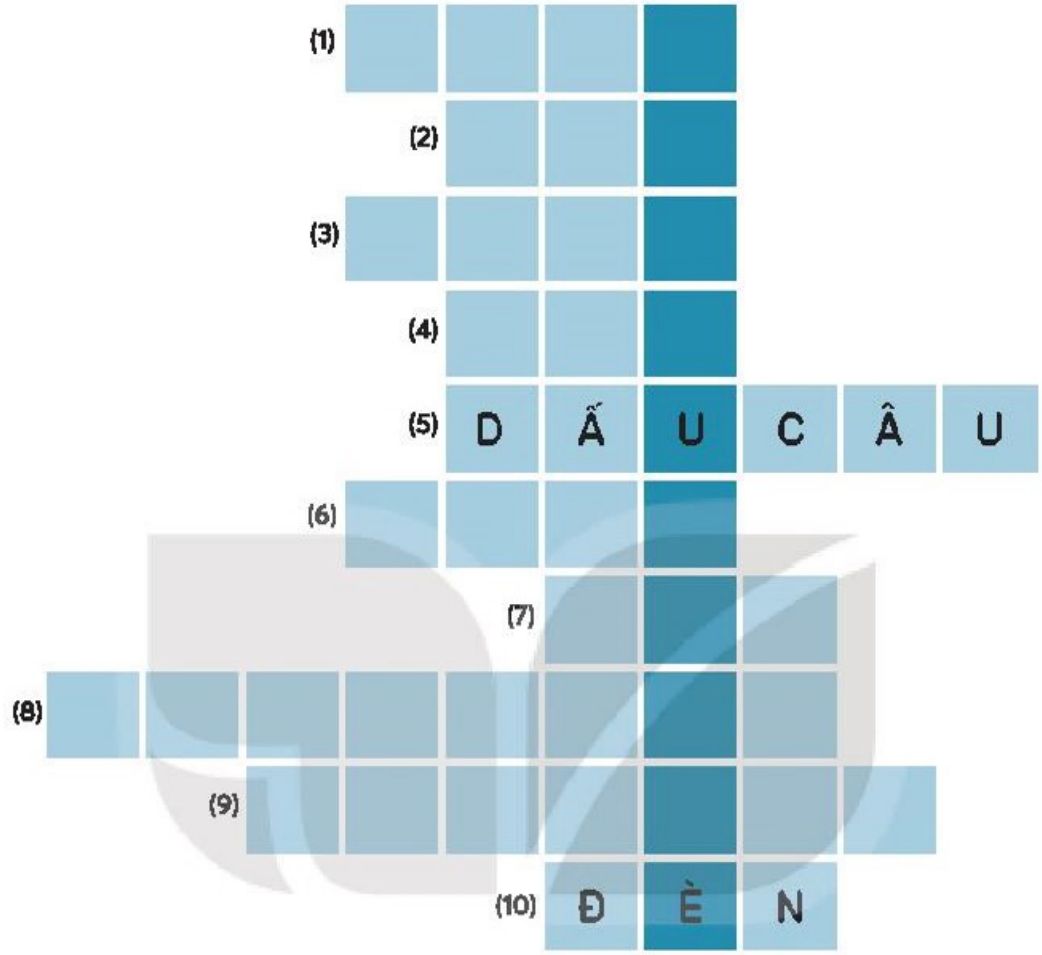

(1) Môn Tiếng Việt rèn cho em các kĩ năng: đọc, viết, nói và (...)

(2) Kiểu câu dùng để bộc lộ cảm xúc là câu (...)

(3) Để tách các bộ phận có cùng chức năng, cần dùng dấu (...)

(4) Từ trái nghĩa với *khen* là (...)

(5) Khi viết, để ngắt câu hoặc kết thúc câu phải dùng (...)

(6) Để kết thúc câu kể, ta dùng dấu (...)

(7) Từ trái nghĩa với *sắc* (thường đi với từ chỉ đồ vật như *dao, kéo*) là (...)

(8) Để kết thúc câu cảm, ta dùng dấu (...)

(9) Để kết thúc câu hỏi, ta dùng dấu (...)

(10) Gần mực thì đen, gần (...) thì sáng.

b. Chép lại câu xuất hiện ở hàng dọc màu xanh đậm: .....

VIẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Mỗi câu dưới đây thuộc kiểu câu nào? (câu kể, câu hỏi, câu cảm)

	Kiểu câu (câu kể, câu hỏi, câu cảm)
(1) Hai cậu bé nói chuyện với nhau.	.....
(2) Đố cậu, bệnh sốt xuất huyết lây qua đường nào?	.....
(3) Theo tớ, qua đường hàng không, cậu ạ.	.....
(4) Ôi trời!	.....
(5) Sao lại qua đường đó?	.....
(6) Vì muỗi vằn sau khi hút máu xong sẽ bay đi truyền bệnh từ người này sang người khác mà.	.....

4 Điền *dấu chấm*, *dấu chấm than*, *dấu chấm hỏi* vào ô trống.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ai tìm ra châu Mỹ☐

Trong giờ Địa lí, thầy giáo gọi Hà:

– Hãy quan sát bản đồ và cho thầy biết đâu là châu Mỹ.

– Thưa thầy, đây ạ. – Hà chỉ trên bản đồ☐

– Tốt lắm☐ Nào, câu hỏi thứ 2: Ai đã có công tìm ra châu Mỹ☐ Mời Phan Anh.

– Thưa thầy, bạn Hà ạ.

Tuần 10 Bài 17

NGƯỠNG CỬA

1 Đánh số thứ tự vào ô trống đúng theo trình tự các sự việc trong câu chuyện *Sự tích nhà sàn*.

① Ngày xưa, người Mường chưa biết làm nhà, phải sống trong hang đá, hốc cây.

○ Ông lão cùng vợ chặt cây, chọn gỗ, tìm nơi đất cao dựng ngôi nhà sàn giống hình một chú rùa, giúp che mưa, chắn gió, phòng tránh được thú dữ.

○ Theo gương ông, mọi người đã dựng nhà sàn để ở, cuộc sống an toàn, ấm no, hạnh phúc hơn xưa.

○ Có ông lão bắt được một con rùa, rùa đã mách cho ông lão cách làm nhà khi được ông tha chết.

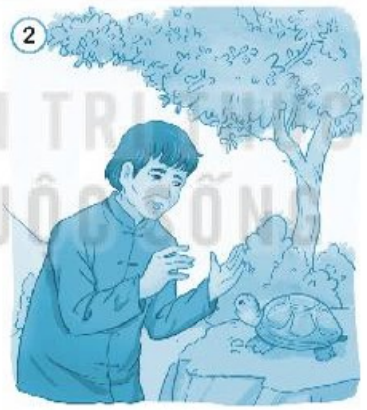

2 Làm bài tập a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu*.

– Viết từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu* dưới tranh.

....

....

– Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu*.

- *iêu*: phát biểu, ...
- *ươu*: ốc bươu, ...

b. Điền *en* hoặc *eng* vào chỗ trống.

hoa loa k.....	bác thợ r.....	giấy kh.....
tiếng k.....	kêu r..... r.....	hứa h.....
nguyên v.....	dế m.....	ch..... chúc
v..... sông	đi m.....	ngh..... ngào

3 Viết 2 – 3 câu về một câu chuyện hoặc bài thơ về mái ấm gia đình.

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 18 MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT

1 Gạch dưới từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ sau:

Có một giờ Văn như thế
Lớp em im phắc lặng nghe
Bài "Mẹ vắng nhà ngày bão"
Cô giảng miệt mài say mê.

Ai cũng nghĩ đến mẹ mình
Dịu dàng, đảm đang, tần tảo
Ai cũng thương thương bố mình
Vụng về chăm con ngày bão.

(Nguyễn Thị Mai)

2 Nối câu ở cột A với kiểu câu thích hợp ở cột B.

A	B
Chị xoá dòng "Nấu ăn không ngon" đi chị!	Câu kể
A, bố rất đẹp trai nữa ạ!	
Chị cắm cúi viết thêm vào tấm thiệp.	Câu cảm
Em cùng chị làm thiệp tặng bố nhé!	Câu khiến
Ba bố con cười vang cả nhà.	

3 Nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Sử dụng các từ *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé* để đặt câu khiến trong mỗi tình huống dưới đây:

a. Nhờ người thân hướng dẫn làm bưu thiếp	....
b. Muốn các em nhỏ trật tự khi xem phim trong rạp	....
c. Muốn bố mẹ cho về thăm quê	....
d. Muốn bố mua cho cuốn truyện mình thích	....

5 Khoanh vào chữ cái trước câu khiến.

a. Minh sang nhà bác Thành cùng anh trai.

b. Hai anh em mình chơi "cá ngựa" đi!

c. Hãy nhớ tắt điện khi ra khỏi phòng!

d. Em mở giúp chị cái cửa sổ nhé!

e. Ôi! Gió thổi mạnh quá!

6 Đọc bài thơ *Bà em* hoặc tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về hoạt động của người thân trong gia đình và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Tên bài:	
– Tác giả:	
Nhân vật/ câu thơ/ chi tiết em thích nhất:	Lí do em thích nhân vật/ câu thơ/ chi tiết đó: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

Tuần 11 Bài 19

KHI CẢ NHÀ BÉ TÍ

1 Dựa vào tranh, viết câu hỏi – đáp về hoạt động của từng người trong tranh.

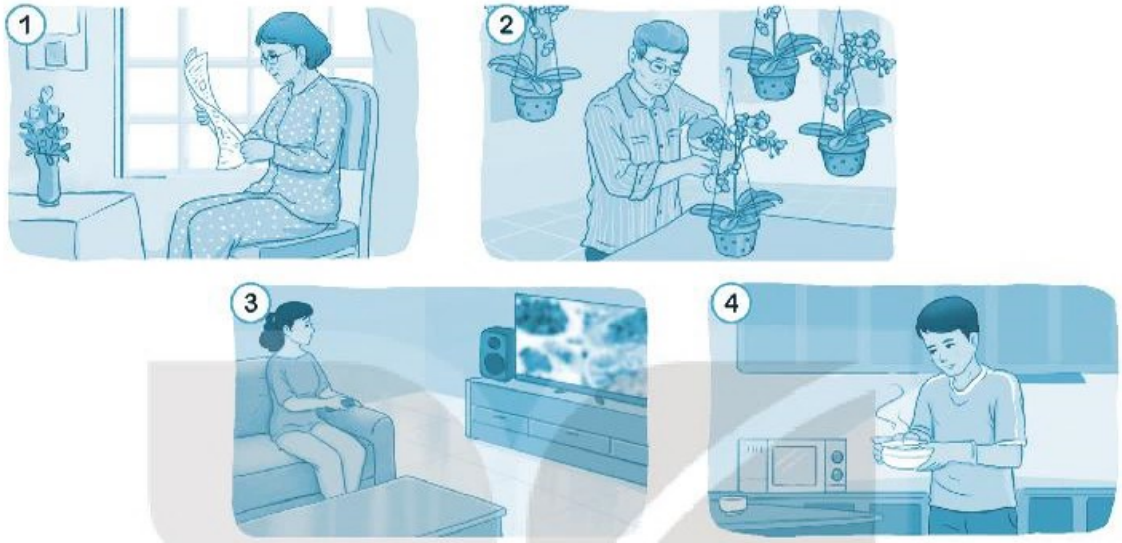

(1) **M:** – Hằng ngày, bà của bạn thích làm gì?

– Bà tớ rất thích đọc báo. Bà thường đọc báo *Sức khoẻ và Đời sống*.

(2) .....

.....

(3) .....

.....

(4) .....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

– Trong vườn, cây ..... (*lịu/ lựu*) sai ..... (*trĩu/ trữu*) quả.

– Mẹ ..... (*địu/ đựu*) bé lên nương.

– Đàn chim sà xuống cây bằng lăng, hót ..... (*líu/ lứu*) lo.

b. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

– Bàn tay khéo léo của bố đã ..... (*biến/ biếng*) những mảnh gỗ vụn thành máy bay, ô tô, con vịt,...

– Mẹ bảo Duy không nên lười ..... (*biến/ biếng*), phải chăm tập thể dục hằng ngày.

– Anh Dũng giả làm ..... (*tiến/ tiếng*) kêu của các con vật rất giỏi.

– Ở lớp, Mai và Hà là đôi bạn cùng ..... (*tiến/ tiếng*).

3 Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

Mẹ dang đôi cánh
Con ..... (*biến/ biếng*) vào trong
Mẹ ngẩng đầu trông
Bọn diều, bọn quạ

Bây giờ thong thả
Mẹ đi lên đầu
Đàn con bé ..... (*xíu/ xứu*)
Líu ..... (*ríu/ rứu*) chạy sau.

(*Theo* Phạm Hổ)

4 Đặt 1 – 2 câu có từ ngữ chứa tiếng sau:

biến hoặc *biếng*	.....
tiến hoặc *tiếng*	.....

5 Người thân của em thích làm công việc gì? Điền thông tin vào bảng theo mẫu.

Người thân của em	Công việc yêu thích
M: ông	uống trà buổi sáng, ...
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 20 TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ

1 Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về hoạt động của người thân trong gia đình và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Tên bài:	
– Tác giả:	
Nhân vật em thích nhất:	Lí do em thích nhân vật đó: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2 Gạch dưới từ chỉ người thân trong đoạn văn dưới đây:

Bà nội của tôi là bà ngoại em Đốm. Hai chị em tôi đều rất quý bà vì cả hai đều được bà chăm sóc từ khi mới sinh. Không phải chỉ đối với tôi và Đốm, mà sau này, em My, em Chấm ra đời, bà đều nâng niu bế ẵm từ lúc lọt lòng.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

3 Tìm thêm từ ngữ chỉ những người thân bên nội và bên ngoại.

Bên nội	**M:** cô, ...
Bên ngoại	**M:** cậu, ...

4 Khoanh vào chữ cái trước ý nêu công dụng của *dấu hai chấm* trong câu văn sau:

Cảnh vật xung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

(*Theo* Thanh Tịnh)

a. Để báo hiệu lời nói trực tiếp

b. Để báo hiệu phần giải thích

c. Để báo hiệu phần liệt kê

5 Nêu công dụng của *dấu hai chấm* trong mỗi câu văn sau:

Câu	Công dụng của *dấu hai chấm*
a. Trong cái túi vải thô của bà có đủ thứ quà, mùa nào thức nấy: nhãn tháng Sáu, na tháng Bảy, roi mùa hạ, gương sen mùa thu. (*Theo* Ma Văn Kháng)	....
b. Hoa giấy có một đặc điểm khác với nhiều loài hoa: hoa rụng mà vẫn còn tươi nguyên. (*Theo* Trần Hoài Dương)	....
c. Chú sóc có bộ lông khá đẹp: lưng xám nhưng bụng và chóp đuôi lại đỏ rực. (*Theo* Ngô Quân Miện)	....

6 Điền *dấu hai chấm* vào vị trí thích hợp trong mỗi câu sau:

a. Các bạn tham gia biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày 20 tháng 11 Quang Anh, Nam Hải, Ngọc Mai, Thu Thuỷ và Trọng Vĩnh.

b. Hộp bút của Hà có rất nhiều thứ bút bi, bút chì, bút mực, thước kẻ, tẩy,...

7 Viết 2 – 3 câu giới thiệu về ngôi nhà của em.

.....

.....

.....

.....

TIA NẮNG BÉ NHỎ

1 Dựa vào bài đọc, viết tiếp để hoàn thành câu nêu hoạt động của bà và Na.

	Bà nội của Na .....
	Một buổi sáng, ...
	Na chạy ùa vào .....
	Mỗi sáng, ...

2 Làm bài tập a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng cho trước.

siêu	M: siêu thị, ...	*sôi*	.....
xiêu	.....	*xôi*	.....

sinh	.....
xinh	.....

sử	.....
xử	.....

Đặt câu với 2 từ ngữ tìm được.

.....

.....

b. Điền tiếng chứa *uôn* hoặc *uông* vào chỗ trống.

Cơn dông nổi lên. Trời sập tối, gió giật mạnh, ... phăng những đám lá rụng và thổi tung chúng lên không trung. Bụi bay cuồn ..... Mẹ bỏ đám rau ..... đang hái dở, ... quýt chạy đi lùa gà vịt vào .....

(*Theo* Bảo Châu)

3 Điền *s* hoặc *x*, *uôn* hoặc *uông* vào chỗ trống.

Lá khô	.....ấm	Mưa
Gió c.....́	Ghé x.....́ sân	Ù ù như .....ay lúa
Bụi bay	Khấnh khách	Lộp bộp
C.....̀ c.....	Cười...	Lộp bộp...

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

4 Viết 2 – 3 câu thể hiện tình cảm yêu thương và lòng biết ơn của em đối với một người thân vào tấm thiệp dưới đây. Trang trí tấm thiệp thật đẹp.

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 22 ĐỂ CHÁU NẮM TAY ÔNG

1 Xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp.

Ông **vác** cây tre **dài**
Lưng của ông vẫn **thẳng**
Ông **đẩy** chiếc cối xay
Cối **quay** như chong chóng

Đường **dài** và sông **rộng**
Ông vẫn hay **đi về**
Tay của ông **khoẻ** ghê
Làm được bao nhiêu việc.

(Hữu Thỉnh)

Từ chỉ hoạt động

.....

.....

Từ chỉ đặc điểm

.....

.....

2 Tìm 5 từ ngữ chỉ sự vật có trong bài thơ trên.

.....

3 Khoanh vào chữ cái trước câu kể.

a. Tháp Bà Pô-na-ga ở đâu?

b. Tháp Bà Pô-na-ga là một địa điểm du lịch nổi tiếng ở Nha Trang.

c. Ông ngoại đưa đón Dương đi học mỗi khi bố mẹ bận rộn.

d. Mỗi một ngày trôi qua, ông đang già đi, còn nó mạnh mẽ hơn.

e. Ông ngoại ơi, cháu yêu ông nhiều lắm!

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Xếp các câu kể ở bài tập 3 vào nhóm thích hợp.

Câu giới thiệu sự vật	.....
Câu nêu hoạt động	.....
Câu nêu đặc điểm	.....

5 Đánh dấu ✓ vào ô trống trước dấu hiệu nhận diện câu kể.

- ○ Trong câu có chứa các từ bộc lộ cảm xúc: ôi, a, ối, quá,...
- ○ Dấu kết thúc câu là dấu chấm.
- ○ Dấu kết thúc câu là dấu chấm hỏi.
- ○ Trong câu không chứa các từ ngữ để hỏi, từ bộc lộ cảm xúc hoặc từ cầu khiến (hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào,...)

6 Đọc văn bản *Ông ngoại* hoặc tìm đọc các câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về tình cảm giữa những người thân trong gia đình hoặc tình cảm với mọi vật trong nhà và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Tên bài:	
– Tác giả:	
Nội dung của bài:	Chi tiết trong bài em thấy thú vị hoặc cảm động: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

Tuần 13 Bài 23

TÔI YÊU EM TÔI

1 Theo em, các câu tục ngữ, ca dao sau ý nói gì?

– Chị ngã, em nâng.

– Anh em như thể chân tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

.....

.....

.....

2 Quan sát tranh, tìm và viết tên sự vật theo yêu cầu a hoặc b.

a. Tên sự vật chứa tiếng bắt đầu bằng *r*, *d*, hoặc *gi*.

r	**M:** hàng rào, ...
d	.....
gi	.....

b. Tên sự vật chứa tiếng có *ươn* hoặc *ương*.

ươn	.....
ương	.....

3 Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *r, d, gi* (hoặc có vần *ươn, ương*).

.....

.....

4 Điền *r, d, gi* hoặc *ươn, ương* vào chỗ trống.

Ong nhỏ và bác voi

Ong nhỏ mải chơi trong v`..... hoa nên bị lạc đ`.....

– Bác voi ơi, cháu bị lạc. Bác có thể .....úp cháu được không ạ? – Ong nhỏ vừa khóc vừa hỏi bác voi.

– Cái tổ dễ th..... này có phải nhà của cháu không? – Bác voi hỏi.

– Dạ, không phải ạ. Đây là nhà của chim sẻ.

– Cái hang này có phải nhà của cháu không?

– Cũng không phải ạ. Đây là nhà của bạn .....ơi.

– Cái tổ nhỏ xíu này có phải nhà của cháu không?

– Ôi đúng .....ồi! Đây đúng là nhà của cháu. Cháu cảm ơn bác voi ạ.

(*Truyện nước ngoài*)

5 Viết 2 – 3 câu về một việc em đã làm khiến người thân vui.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC
VUI HỌC SỐNG

Bài 24 BẠN NHỎ TRONG NHÀ

1 Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về tình cảm giữa những người thân trong gia đình hoặc tình cảm với mọi vật trong nhà (vật nuôi, đồ đạc,...) và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc:	
– Tên bài:	
– Tác giả:	
Nhân vật, sự việc được nói đến:	Chi tiết làm em thấy thú vị hoặc cảm động: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2 Tìm từ ngữ về bạn trong nhà và viết vào bảng theo mẫu.

Vật nuôi	Đồ đạc
M: mèo	M: quạt điện
.....	.....
.....	.....
.....	.....

3 Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Nhà Thuỷ ở ngay dưới thuyền. Con sông thân yêu, nơi có "nhà" của Thuỷ ấy, là sông Hồng. Lòng sông mở mênh mông, quãng chảy qua Hà Nội càng mênh mông hơn. Mỗi cánh buồm nổi trên dòng sông, nom cứ như là một con bướm nhỏ. Lúc nắng ửng mây hồng, nước sông nhấp nháy như sao bay.

(*Theo* Phong Thu)

– Cánh buồm trên sông được so sánh với sự vật nào?

.....

– Nước sông nhấp nháy được ví với sự vật nào?

.....

4 Gạch dưới câu thơ có hình ảnh so sánh.

(1) Cau cao cao mãi Tàu vươn giữa trời Như tay xoè rộng Hứng làn mưa rơi. (Ngô Viết Dinh)	(2) Sân nhà em sáng quá Nhờ ánh trăng sáng ngời Trăng tròn như cái đĩa Lơ lửng mà không rơi. (Nhược Thuỷ – Phương Hoa)
(3) Sương trắng viền quanh núi Như một chiếc khăn bông – Ồ, núi ngủ lười không! Giờ mới đang rửa mặt. (Thanh Hào)	(4) Một hôm mặt đất Mọc lên cái cây Cái cây bé nhỏ Lá mềm như mây. (Lâm Thị Mỹ Dạ)

Nêu tác dụng của hình ảnh so sánh trong các đoạn thơ trên.

.....

.....

5 Viết 1 – 2 câu tả một đồ đạc trong nhà em, trong đó có sử dụng biện pháp so sánh.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 14 Bài 25 NHỮNG BẬC ĐÁ CHẠM MÂY

1 Quan sát 4 bức tranh minh hoạ câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*, xác định nội dung từng tranh.

1

Cố Đương tìm cách làm đường, dù mọi người đều bảo việc đó khó, không làm được.

2

Bão cuốn mất tất cả thuyền bè của người dân xóm chài dưới chân núi Hồng Lĩnh.

3

Người dân lên núi kiếm củi phải đi đường vòng rất xa.

4

Nhiều người dân trong xóm đã tình nguyện đến làm cùng cố Đương.

2 Làm bài tập a hoặc b.

a. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống.

Buổi sáng ó o
Gà .....ống gọi đấy
Mặt .....ời mau dậy
Đỏ xinh câu .....ào.

Buổi .....ưa .....ên cao
Mặt .....ời tung nắng
Đùa cùng mây .....ắng
Ú oà ú oà.

Buổi .....iều hiền hoà

Dung dăng dung dẻ

Mặt .....ời thỏ thẻ

.....ẳng về nhà đâu.

(*Theo* My Linh)

b. Quan sát tranh, tìm từ ngữ có tiếng chứa *ăn* hoặc *ăng*.

ăn	**M:** trăn, ...
ăng	**M:** rặng tre, ...

3 Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *ch, tr* (hoặc chứa *ăn, ăng*).

.....

.....

4 Viết 2 – 3 câu về chi tiết em yêu thích trong câu chuyện *Những bậc đá chạm mây*.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 26 ĐI TÌM MẶT TRỜI

1 Nối các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

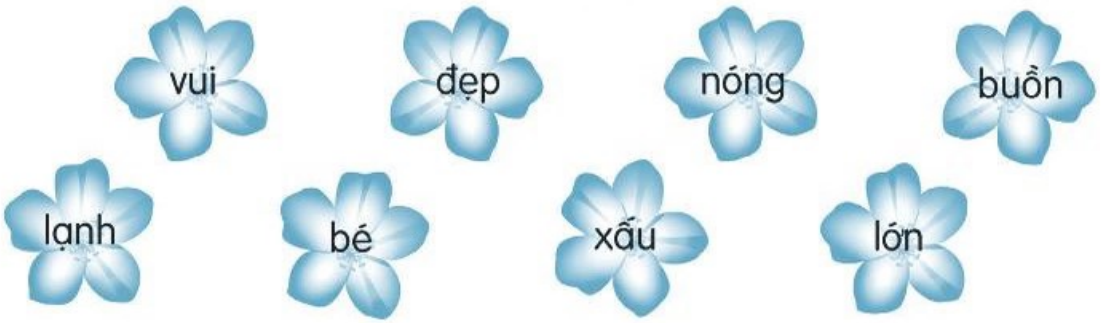

2 Tìm thêm 3 – 5 cặp từ ngữ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau.

M: nhanh – chậm

.....

.....

3 Đọc lại câu chuyện *Đi tìm mặt trời*, đặt câu khiến trong mỗi tình huống sau:

a. Đóng vai gõ kiến đến nhờ công, liếu điếu hoặc chích choè đi tìm mặt trời.	....
b. Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.	....

4 Đọc câu chuyện dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Ba chú mèo

Một ngày nọ, ba chú mèo bé nhỏ tình cờ gặp một con chó to lớn. Ba chú mèo sợ quá, vội chạy thật nhanh. Chậm một chút có thể gặp nguy hiểm. Thấy chó chạy đằng sau, ba chú mèo càng chạy nhanh hơn nữa. Chúng chạy đến một dòng sông không có cầu bắc qua. "Ôi, không! Chúng ta nguy rồi!". Các chú mèo hoảng hốt kêu:

– Cứu chúng tôi với! Cứu chúng tôi với!

Đúng lúc đó, chó chạy đến gần ba chú mèo và nói:

– Các bạn cho mình chạy thi với!

Thật bất ngờ! Giờ đây, ba chú mèo con lại có thêm một người bạn mới.

(*Truyện nước ngoài*)

Tìm trong câu chuyện trên:

a. 2 cặp từ có nghĩa trái ngược nhau:

.....

b. 2 câu khiến:

.....

.....

5 Dùng *hãy*, *đừng*, *chớ* hoặc *nên* để chuyển các câu kể dưới đây thành câu khiến.

– Rùa chăm chỉ tập chạy.

.....

– Thỏ chê rùa chậm chạp.

.....

6 Đọc bài thơ *Bài hát trồng cây* hoặc tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nghề nghiệp hoặc công việc nào đó và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH
– Ngày đọc: ..... – Tên bài: ..... – Tác giả: .....
Nghề nghiệp hoặc công việc được nói đến: .....
Suy nghĩ của em về nghề nghiệp hoặc công việc đó: .....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆

Tuần 15 Bài 27

NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM

1 Theo em, mỗi cách học được dưới đây có ích lợi gì?

Học cá nhân	.....
Học theo cặp	.....
Học nhóm	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Làm bài tập a hoặc b.

a. Điền *lặng* hoặc *nặng* vào chỗ trống.

Trường của em be bé Nằm ..... giữa rừng cây. (*Theo* Minh Chính)	Công cha cũng ....., nghĩa thầy cũng sâu.
Cuội nằm ..... lẽ Mơ về trần gian. (*Theo* Nguyễn Thái Dương)	..... rồi cả tiếng con ve Con ve cũng mệt vì hè nắng oi. (*Theo* Trần Quốc Minh)

b. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.

nở hoặc *nỡ*	– Hoa sen ..... đẹp trong đầm Mùi hương tinh khiết âm thầm toả bay. – Kim vàng ai ..... uốn câu Người khôn ai ..... nói nhau nặng lời.
đổ hoặc *đỗ*	– Đất màu trồng ....., trồng ngô Đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn. – Mồ hôi mà ..... xuống đồng Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương.

3 Tìm thêm 3 – 5 từ ngữ:

a. Chứa tiếng bắt đầu bằng *l* hoặc *n*: .....

.....

b. Chứa tiếng có *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã*: .....

.....

4 Viết 2 – 3 câu về một hoạt động tập thể của lớp mà em thấy vui.

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 28 CON ĐƯỜNG CỦA BÉ

1 Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nghề nghiệp hoặc công việc nào đó và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH
– Ngày đọc: .....
– Tên bài: .....
– Tác giả: .....
– Nghề nghiệp hoặc công việc được nói đến: .....
– Cảm nghĩ của em về nghề nghiệp hoặc công việc đó: .....
.....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆

2 Điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống.

NGHỀ NGHIỆP		
Tên nghề nghiệp	**Người làm nghề**	**Nhiệm vụ**
Nghề y	Điều dưỡng	Chăm sóc bệnh nhân
	.....	Chữa bệnh
Nghề dược	.....	.....
Nghề nông	.....	.....

3 Khoanh vào từ được dùng để hỏi trong mỗi câu dưới đây:

a. Bố cậu làm nghề gì?

b. Vì sao cậu thích làm nghề bác sĩ?

c. Mẹ cậu là y tá à?

d. Cậu thường thức dậy lúc mấy giờ?

4 Chọn thông tin thích hợp điền vào bảng.

(dấu chấm; dấu hỏi chấm; dùng để hỏi điều chưa biết; dùng để kể, tả)

Kiểu câu	Dấu kết thúc câu	Công dụng
Câu kể	.....	.....
Câu hỏi	.....	.....

5 Chuyển mỗi câu kể dưới đây thành 3 câu hỏi.

Câu kể	Câu hỏi
a. Cô giáo vào lớp.	1. .....
	2. .....
	3. .....
b. Cậu ấy thích nghề xây dựng.	1. .....
	2. .....
	3. .....
c. Trời mưa.	1. .....
	2. .....
	3. .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 16 Bài 29 NGÔI NHÀ TRONG CỎ

1 Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè.*

- Thằn lằn, ốc sên và nhái xanh thắc mắc về tiếng kêu của tắc kè.
- Thằn lằn, ốc sên, nhái xanh hiểu được lí do tắc kè làm ồn.
- Thằn lằn, ốc sên, nhái xanh dự định đi thăm tắc kè.
- Cụ cóc giải thích về tiếng kêu của tắc kè.

2 Làm bài tập a hoặc b.

a. Điền s hoặc x vào chỗ trống.

Mưa rơi tí tách
Hạt trước hạt .....au
Không .....ô đẩy nhau
.....ếp hàng lần lượt

Mưa vẽ trên .....ân
Mưa dàn trên lá
Mưa rơi trắng .....oá
Bong bóng phập phồng.

(*Theo* Nguyễn Diệu)

b. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

Cây dừa xanh toả nhiều ..... (*tào/ tàu*)
Dang tay đón gió gật đầu gọi trăng

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thân dừa bạc phếch tháng năm

Quả dừa – đàn lợn con nằm trên ..... (*cao/ cau*)

Đêm hè hoa nở cùng ..... (*sao/ sau*)

..... dừa – chiếc lược chải ..... mây xanh. (*tào/ tàu*) (*vào/ vàu*)

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

3 Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng cho trước.

sao	M: ngôi sao, ...
xao	.....

sào	.....
xào	.....

4 Điền tiếng bắt đầu bằng *s*, *x* hoặc tiếng chứa *ao*, *au* vào chỗ trống.

Sắp mưa. Những đám mây chuyển sang màu ..... xịt. Mọi người cuống quýt dừng xe, cùng ..... tìm chỗ trú mưa. Mưa sầm ..... trút xuống. Tiếng mưa rào ..... Mưa xối ..... như có bao nhiêu nước đều trút hết xuống. Mưa một lúc rồi tạnh dần. Vòm trời ..... biếc. Phía chân trời, cầu vồng đủ màu ..... hiện ra.

(*Theo* Mạnh Cường)

5 Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè*.

G: – Câu chuyện cho em biết thêm điều gì?

– Em thích nhất chi tiết nào trong câu chuyện? Vì sao?

– Em học được điều gì qua câu chuyện trên?

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 30 NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG

1 Xếp các từ ngữ in đậm vào nhóm thích hợp.

Sáng ra **biển** hoá trẻ con
Sóng lắc ông trời **thức dậy**
Dã tràng **cõng** nắng lon xon
Mắt thụt mắt thò hấp háy.

Đèn biển đêm qua nhấp nháy
Bây giờ **đứng** quấn khăn **sương**
Đoàn tàu thung thăng qua đấy
Thả một chuỗi còi thân thương.

(Hoài Khánh)

a. Từ ngữ chỉ sự vật:
.....
.....
.....
b. Từ ngữ chỉ hoạt động:
.....
.....
.....

2 Tìm thêm những từ ngữ chỉ sự vật có trong đoạn thơ trên.

.....

.....

3 Viết 2 cặp câu hỏi – đáp về sự vật, hoạt động được nói đến trong đoạn thơ ở bài tập 1.

TT	Hỏi – đáp về sự vật	Hỏi – đáp về hoạt động
	M: – Cái gì lắc ông trời thức dậy? – Sóng./ Sóng lắc ông trời thức dậy.	**M:** – Dã tràng làm gì? – Dã tràng cõng nắng./ Dã tràng cõng nắng lon xon.
1	– Sáng ra, cái gì hoá trẻ con? –	– Sóng làm gì? – .....
2	.....	.....

4 Gạch dưới những từ ngữ chỉ sự vật có trong đoạn thơ dưới đây:

Lao xao bao chùm hoa muống
Theo em líu ríu tới trường
Xuân về đảo Đuôi Rồng Trắng
Biển trời như ướp bằng hương.

(Hoài Khánh)

5 Đặt 1 – 2 câu với từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 4.

.....

.....

.....

6 Đọc văn bản *Bác lái xe bệnh viện* hoặc tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục và ghi thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: ..... – Tên bài: ..... – Tác giả: ..... – Nhân vật chính:	
Những việc tốt nhân vật đã làm:	Điều em muốn học từ nhân vật: ....
Suy nghĩ của em về bài đọc:	
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 17 Bài 31 NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI

1 Viết câu trả lời cho các câu hỏi sau:

	Hỏi	Trả lời
1	Bác Nhân làm nghề gì?	....
2	Bác có yêu công việc của mình không?	....
3	Các bạn nhỏ có thích đồ chơi của bác Nhân không?	....
4	Dạo này, hàng hoá của bác Nhân thế nào? Vì sao có tình trạng như vậy?	....
5	Khi thấy hàng hoá của mình như vậy, bác Nhân quyết định làm gì?	....
6	Bạn nhỏ cảm thấy như thế nào khi nghe bác Nhân kể chuyện?	....
7	Bạn nhỏ đáp lời bác Nhân ra sao?	....
8	Bạn nhỏ đã làm gì cho bác Nhân vui?	....
9	Buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân diễn ra như thế nào?	....
10	Tâm trạng của bác Nhân ra sao?	....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Viết thông tin vào phiếu mượn sách dưới đây:

PHIẾU MƯỢN SÁCH

Họ tên người mượn sách: .....

Địa chỉ: .....

Tên sách: .....

Tác giả: .....

3 Dựa vào lời giới thiệu của Nam Hải, điền thông tin về bạn ấy vào chỗ trống.

Em là Vũ Nam Hải. Em học lớp 3A, trường Tiểu học Lê Quý Đôn. Nhà em ở phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Họ và tên: .....

Lớp: .....

Trường: .....

Địa chỉ nhà riêng: .....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Viết 2 – 3 câu giới thiệu một đồ chơi em thích.

.....

.....

.....

.....

Bài 32 CÂY BÚT THẦN

1 Tìm đọc bài về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục và viết thông tin vào phiếu đọc sách.

PHIẾU ĐỌC SÁCH
– Ngày đọc: ..... – Tên bài: ..... – Tác giả: ..... – Nhân vật chính: .....
Những việc tốt nhân vật đã làm: .... Điều em muốn học từ nhân vật: ....
Cảm nghĩ của em về bài đọc: ....
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆

2 Tìm từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.

	Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
Ở thành thị	M: đường phố, ...	M: tấp nập, ...
Ở nông thôn	M: cánh đồng, ...	M: rộng mênh mông, ...

3 Tìm những âm thanh được so sánh với nhau trong các câu dưới đây. Điền thông tin vào bảng theo mẫu.

a. Tiếng đàn tơ rưng khi trầm hùng như tiếng thác đổ, khi thánh thót, róc rách như suối reo.

(*Theo* AyDun và Lê Tấn)

b. Tiếng chim sáo về ríu ran như một cái chợ vừa mở, như lớp học vừa tan, như buổi đàn ca liên hoan sắp bắt đầu.

(*Theo* Băng Sơn)

Âm thanh được so sánh	Đặc điểm so sánh	Từ so sánh	Âm thanh dùng để so sánh
Tiếng đàn tơ rưng	trầm hùng	như	tiếng thác đổ
	thánh thót, róc rách	.....	.....
Tiếng chim sáo	.....	như	một cái chợ vừa mở
		.....	.....
		.....	.....

4 Đặt 1 – 2 câu tả âm thanh có dùng biện pháp so sánh.

.....

.....

.....

5 Viết tiếp để hoàn thành câu.

a. Hôm nay trời nắng chang chang, nóng như .....

.....

b. Trời mưa bão, gió rít từng hồi nghe như .....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN 1 – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

1 Tìm từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm trong bài thơ dưới đây:

Chân mưa

Mặt trời hé nhìn
Mưa rơi sáng quắc.

Chân mưa thoăn thoắt
Chạy vụt qua làng,
Từng hàng, từng hàng
Dài như chân sếu.

Chạy khắp các nẻo
Nhẹ gót êm ru.
Nắng loé chiều thu
Nghìn chân óng mượt.

Chân mưa đuổi bắt
Ráng đỏ hoàng hôn,
Theo cò cuối thôn
Chạy xa biến mất!

(Võ Quảng)

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Điền *dấu chấm, dấu hai chấm* hoặc *dấu phẩy* vào chỗ trống.

Những ngăn đặc biệt trong tủ kính có các chuỗi ngọc trai đẹp tuyệt trần, óng ánh đủ màu sắc dưới ánh điện ☐ ngọc trai màu hồng ☐ ngọc trai màu xanh ☐ màu vàng ☐ màu da trời ☐ màu đen ☐ Đó là những sản phẩm kì diệu của đại dương.

(Theo *Hai vạn dặm dưới đáy biển*)

3 Tìm từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm trong các câu ca dao, tục ngữ sau:

a. Chuồn chuồn bay thấp, mưa ngập bờ ao
Chuồn chuồn bay cao, mưa rào lại tạnh.

b. Lên non mới biết non cao
Xuống biển cầm sào cho biết cạn, sâu.

c. Dòng sông bên lở, bên bồi
Bên lở thì đục, bên bồi thì trong.

d. Trăng mờ còn tỏ hơn sao
Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi.

Câu	Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
a	M: chuồn chuồn	M: thấp .....
b	.....	.....
c	.....	.....
d	.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Tìm các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau trong mỗi câu ca dao, tục ngữ ở bài tập 3.

Câu	Cặp từ có nghĩa trái ngược nhau
a	M: thấp – cao, ...
b	.....
c	.....
d	.....

5 Chọn từ ngữ chỉ đặc điểm trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống.

(im ắng, tự tin, vàng rực, cao vút, róc rách)

a. Ngọn tháp ..... .

b. Ánh nắng ..... trên sân trường.

c. Rừng ..... , chỉ có tiếng suối ..... .

d. Lên lớp 3, bạn nào cũng ..... hơn.

6 Đặt 1 – 2 câu về cảnh vật nơi em ở, có từ ngữ chỉ đặc điểm.

.....

.....

.....

TIẾT 3 – 4

1 Gạch dưới những từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc có trong các khổ thơ dưới đây:

a
Nghỉ hè em thích nhất
Được theo mẹ về quê
Bà em cũng mừng ghê
Khi thấy em vào ngõ.
(Xuân Hoài)

b
Một tờ giấy trắng
Cô gấp cong cong
Thoắt cái đã xong
Chiếc thuyền xinh quá!
(Nguyễn Trọng Hoàn)

c
Màu khăn tuổi thiếu niên
Suốt đời tươi thắm mãi
Như lời ru vời vợi
Chẳng bao giờ cách xa.
(Xuân Quỳnh)

d
Tôi yêu em tôi
Nó cười rúc rích
Mỗi khi tôi đùa
Nó vui, nó thích.
(Phạm Hổ)

e
Giờ ra chơi cùng bạn
Em náo nức nô đùa
Khi mệt lại túm tụm
Cùng vẽ tranh say sưa.
(Phạm Anh Xuân)

g
Khi bố còn bé tí
Có thích lái ô tô
Có say mê sửa đồ
Có hay xem bóng đá?
(Huỳnh Mai Liên)

2 Mỗi câu trong truyện vui dưới đây thuộc kiểu câu nào?

Chuẩn bị bài

Mẹ: – (1) Trời ơi! (2) Sao con đi ngủ sớm thế? (3) Dậy chuẩn bị bài ngày mai đi!

Con: – (4) Con đang chuẩn bị bài. (5) Xin mẹ nói nhỏ một chút! (6) Thầy giáo ra đề bài cho chúng con là "Kể lại một giấc mơ của em.". (7) Con ngủ sớm xem mơ thấy gì để ngày mai còn kể.

Mẹ: – (8) Ôi trời đất ơi!

(*Phỏng theo* Phư-di-cô Phư-di-ô)

Câu kể	Câu hỏi	Câu cảm	Câu khiến
Câu	Câu	Câu	Câu .....

3 Dựa vào các tranh dưới đây để đặt câu:

a. Một câu hỏi: .....

b. Một câu cảm: .....

c. Một câu kể: .....

d. Một câu khiến: .....

4 Dựa vào tranh ở bài tập 3, điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu.

a. Phòng của bạn nhỏ vương vãi đủ thứ: .....,

.....,.....,...

b. Bạn đến trường muộn vì phải đi tìm .....,

.....,.....,...

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Thiết kế sách: NGUYỄN THÀNH TRUNG
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Vở bài tập Tiếng Việt 3 – tập một
Mã số: G1BH3V001H22
In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 17 x 24cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: 520-2022/CXBIPH/7-280/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31696-7
Tập hai: 978-604-0-31697-4

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 3 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập một
2. Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập hai
3. Tập viết 3, tập một
4. Tập viết 3, tập hai
5. Vở bài tập Toán 3, tập một
6. Vở bài tập Toán 3, tập hai
7. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3
8. Vở bài tập Đạo đức 3
9. Vở bài tập Âm nhạc 3
10. Vở bài tập Mĩ thuật 3
11. Vở bài tập Công nghệ 3
12. Vở bài tập Tin học 3
13. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 3
14. Tiếng Anh 3 – Global Success – Sách bài tập

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-31696-7

9 786040 316967

Giá: 12.000 đ